Hà Nội, ngày tháng năm 20

*Hanoi, , 20*

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU PHẦN NGHIỆP VỤ**

**DỰ ÁN: HỆ THỐNG KHỞI TẠO VÀ PHÊ DUYỆT KHOẢN VAY CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (CLOS)**

1. **Thành phần tham gia:**

* Ngân hàng Doanh nghiệp (EB) / Enterprise Banking (EB)
* Khối Quản lý rủi ro / Risk Management Division
* Khối Vận hành / Operation Division
* Nhà thầu Infosys

1. **Thời gian thực hiện dự án**

* Bắt đầu ngày / *Start date* : 31/10/2017
* Kết thúc ngày / *End date* : 15/11/2019

1. **Đường dẫn phần mềm**

* Phiên bản Tiếng Anh: <https://los.msb.com.vn:45000/fininfra/ui/SSOLogin.jsp>
* Phiên bản Tiếng Việt: <https://los.msb.com.vn:45000/fininfra/ui/SSOLogin_vi_VN.jsp>

1. **Nội dung bàn giao**

*Các bên đã phối hợp để xây dựng và phát triển hệ thống dựa vào Phần mềm có sẵn của nhà thầu, các yêu cầu do Nghiệp vụ đưa ra ban đầu trong MRD và các yêu cầu ngoài MRD được nhà thầu hỗ trợ thực hiện.*

***4.1. Yêu cầu trong MRD: Chi tiết trong Phụ lục 01***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trạng thái UAT**  ***UAT Status*** | **Số lượng yêu cầu trong MRD/**  ***Number of items in MRD*** |
| Đã bỏ / *Dropped* | 124 |
| Đang UAT / *Under UAT* | 3 |
| Đáp ứng / *Passed* | 78 |
| Đáp ứng một phần / *Partially Passed* | 5 |
| Không đáp ứng / *Solutions did not meet MRD items* | 8 |
| **Tổng/ *Total*** | **218** |

***4.2. Yêu cầu ngoài MRD nhà thầu đã hỗ trợ thực hiện: Chi tiết trong Phụ lục 02.***

***The requirements that are out of MRD were implemented by contractor: Detail in Appendix 03.***

* Đối với CLOS / CLOS: 19 yêu cầu **/** *19 requirements*

***4.3. Các luồng quy trình đã được xây dựng***: 27 luồng quy trình của SME và LCs, bao gồm:

* LC - CAP MOI NGAN HAN TUNG LAN
* LC - CAP MOI HM NGAN HAN
* LC - CAP MOI HM TDH KO TAI TRO DU AN
* LC - CAP MOI TDH CO TAI TRO DU AN/TRAI PHIEU DN
* LC - CAP MOI TDH/ TRAI PHIEU - KH DA CO HM NGAN HAN
* LC - TAI CAP NGAN HAN
* LC - TAI CAP HM TDH KO TAI TRO DU AN
* LC - CCF=0, HĐTD/UBTD PHE DUYET
* LC - CCF=0, CA NHAN PHE DUYET
* LC - TDDK TIN DUNG/TRAI PHIEU (BOOKING)
* LC - TDDK TIN DUNG/TRAI PHIEU (NON - BOOKING)
* LC - NHAN TAI SAN, DVKD HOAC TGĐ LC PHE DUYET
* LC - NHAN TAI SAN, HDTD, UBTD PHE DUYET
* LC - DINH KY REVIEW TDH
* LC - TRINH CHU TRUONG
* SME - NHOM 1,2,3,4 - CAP MOI/TAI CAP
* SME - NHOM 3 - CAP MOI/TAI CAP
* SSE - CAP MOI/TAI CAP
* SME - 100%TG.GTCG/CK BCTHH - Hub (CAP MOI/TAI CAP/TDDK)
* SME- 100%TG.GTCG/CK BCTHH - HO (CAP MOI/TAI CAP/TDDK)
* SME - TDDK Hub
* SME - TDDK HO - CO DI CI
* SME - TDDK HO - KO DI CI
* SSE – TDDK
* SME - 100%TG.GTCG/CK BCTHH - Hub (Nhan TS)
* SME- Nhan TS do CA phe duyet
* SSE - Nhan TS

***4.4. Tích hợp với các hệ thống nội bộ:***

* Hệ thống Jupiter
* Hệ thống Core banking
* Hệ thống định giá tài sản Collat 4
* Hệ thống định giá tài sản nhanh Qcollat
* Hệ thống CIC data store
* Hệ thống AML
* Hệ thống oprisk
* Hệ thống CSS
* Hệ thống ECM

***4.5. Các tính năng cơ bản của hệ thống và các tồn đọng***

| **STT** | **Hạng mục** | **Mô tả** | **Kết quả** | | **Các tồn đọng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sau khi có Phê duyệt của cấp có thẩm quyền/khả năng đáp ứng của hệ thống nội bộ MSB** | **Theo yêu cầu của Nghiệp vụ** |
| 1 | Corporate Customer Maintenance (CCM) | Tạo TCIF Điều chỉnh/bổ sung thông tin SCIF, TCIF | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 2 | Create Commercial Credit Application (CMCAN) | Khởi tạo hồ sơ khách hàng | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 3 | General details | Thông tin chung của hồ sơ | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 4 | Exchange rate details | Thông tin tỷ giá | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 5 | Limit details | - Khai báo thông tin hạn mức mới - Chỉnh sửa thông tin hạn mức cũ từ CORE | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 6 | Additional details | Thông tin các khoản mua nợ, bao thanh toán, đầu tư trái phiếu và ủy thác. | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 7 | Project finance | Thông tin liên quan đến hồ sơ dự án | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 8 | Limit hierachy | Hiển thị cây hạn mức của Khách hàng | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 9 | Related parties | Thông tin các bên liên quan đến Khách hàng | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 10 | Credit Bureau report | Tích hợp CICDS để tra cứu CIC của Khách hàng và bên liên quan | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 11 | Debt aggregation | Tổng hợp nghĩa vụ nợ của bên liên quan với Khách hàng | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 12 | Applicant details | Thông tin khách hàng | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 13 | Applicant checks | Tích hợp AML, Oprisk | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 14 | Collateral | - Tạo mới, chỉnh sửa, xóa tài sản - Tích hợp với CORE để kéo tài sản cũ về. - Gắn kết tài sản vào hạn mức - Tích hợp với Collat4/Qcollat để gửi đề nghị và nhận kết quả định giá. | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | Một số tài sản không có phần để khai báo thông tin bảo hiểm như Cổ phiếu, Vàng, Bảo lãnh, tiền gửi |  |
| LOS ch gửiiếu, không có phần để khai báo thông tin bảo hiểmquả định giá.trư ch gửiiếu, không có phần để khai báo thông tin bảo hiểmquả định giá.c nhch gửiiế |
| 15 | Financial monitoring | Khai báo và kiểm soát các điều kiện tài chính | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 16 | Non financial monitoring | Khai báo và kiểm soát các điều kiện phi tài chính | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 17 | Needlist | Khai báo và cập nhật các danh sách công việc cần thực hiện/hồ sơ cần cung cấp | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 18 | Checklist | Trình và kiểm soát các điều kiện ngoại lệ | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 19 | Credit scoring | Tích hợp CSS | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | Hiện tại việc tích hợp LOS-CSS mới được thực hiện theo chiều trả kết quả từ CSS về LOS, chiều từ LOS sang CSS để khởi tạo yêu cầu thì không được thực hiện | CLOS184 |
| 20 | Attachment | Tích hợp ECM | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | Không upload được tài liệu dưới dạng 1 số định dạng như: 7zip, ppt… |  |
| Không tạo được hồ sơ giao dịch LOS trên ECM vì sẽ ảnh hưởng đến phân quyền hiện tại |  |
| 21 | Credit write up | Khai báo các thông tin chi tiết phục vụ cho việc trình và phê duyệt hồ sơ tín dụng của Khách hàng | Đáp ứng | Không đáp ứng | 1. Bị hạn chế về số lượng ký tự 2. Không chèn được bảng biểu 3. Không đặt công thức tính toán |  |
| 22 | Generate Credit Write-up Report | Chiết xuất Tờ trình dưới dạng word | Không đáp ứng | Không đáp ứng | Do phần Credit write up không chèn được bảng biểu, công thức tính toán cũng như bị giới hạn ký tự nên khi chiết xuất ra Tờ trình, BBPD không đáp ứng được yêu cầu |  |
| 23 | Summary | Tóm tắt thông tin hồ sơ trình | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 24 | Existing Application Details | Thông tin về các hồ sơ đã khởi tạo của Khách hàng trên hệ thống | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 25 | [Credit Recommendation](javascript:) | Đề xuất cấp tín dụng | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 26 | [Credit Decision](javascript:) | Phê duyệt tín dụng | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | Đối với hồ sơ cho Nhóm khách hàng: khi list các hạn mức tương ứng với KH không nhận biết được của KH cụ thể nào |  |
| 27 | Book collateral | Hạch toán tài sản bảo đảm từ LOS vào CORE | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 28 | Book limit and Products | Hạch toán Hạn mức từ LOS vào CORE | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 29 | Inquiries | Truy vấn thông tin | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | Không hạn chế được phân quyền đối với việc truy vấn thông tin hồ sơ của chi nhánh khác |  |
| 30 | Copy Commercial Credit Application CCCA | Sao chép hồ sơ khách hàng | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | 1. Chỉ copy được khi cùng Application type và application subtype 2. Một số nội dung không sao chép được: - AML, oprisk  - Checklist - Attachment |  |
| 31 | Business Tracking Tray BPTCCA | Gắp hồ sơ | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 32 | Assign | Chuyển hồ sơ cho người khác cùng xử lý | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 33 | Transfer | Bàn giao hồ sơ cho người khác xử lý | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 34 | Rollback | Trả hồ sơ về bước trước | Đáp ứng | Đáp ứng một phần | Không thể chuyển đến bước mong muốn mà phải chuyển lần lượt từng bước |  |
| 35 | Alert | Thông báo bằng email | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 36 | Group details | - Tạo nhóm KH mới - Chỉnh sửa thông tin nhóm KH có sẵn | Đáp ứng | Đáp ứng |  | EXT023, EXT024, CLOS165 |
| 37 | Maintain Financial Monitoring Details MFMD | Khai báo và theo dõi các điều kiện tài chính khi hồ sơ đã được phê duyệt | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 38 | Maintain Non Financial Monitoring Details MNFMD | Khai báo và theo dõi các điều kiện phi tài chính khi hồ sơ đã được phê duyệt | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 39 | Track Financial Monitoring Items TFMI | Theo dõi các điều kiện tài chính được giao thực hiện | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 40 | Track Non Financial Monitoring Items TNFMI | Theo dõi các điều kiện phi tài chính được giao thực hiện | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 41 | Maintain Commercial Loan Application Need List Details MCLANLD | Khai báo và theo dõi các danh sách công việc khi hồ sơ đã được phê duyệt | Đáp ứng | Đáp ứng |  |  |
| 42 | Report | Mẫu biểu và báo cáo | Đáp ứng một phần | Đáp ứng một phần | Không đáp ứng yêu cầu Số lượng (thực hiện được 3/6 báo cáo), chất lượng, thời gian hoàn thành | MRD: LOS110  Jira: LOS-2009 |
| 43 | Vietnamese Literal | Phiên bản tiếng việt | Đáp ứng một phần | Đáp ứng một phần | Hiện tại nhà thầu chưa update phiên bản mới nhất mà hai bên thống nhất nên có rất nhiều trường bị dịch sai. | Jira: LOS - 2053 |

1. Một số lỗi thường gặp trên môi trường Production

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Chi tiết lỗi** | **Ghi chú** |
| 1 | CIF | CIF không được cập nhật từ CORE về LOS |  |
| 2 | CIF | Khi kéo CIF từ CORE về LOS, trường “Date of corporation” trên LOS không giống thông tin trên CORE |  |
| 3 | Limit | Khi booking các hạn mức cũ, hệ thống báo lỗi: “TRUONG [commoninfo.branchCode, commoinfo.teller] KHONG DUOC DE TRONG |  |
| 4 | Limit | Hạn mức vẫn còn hiệu lực trên CORE nhưng không được kéo về LOS |  |
| 5 | Collateral | Khi book tài sản từ LOS vào CORE hệ thống không tự động cập nhật trường Collateral ownership ID trong tab Owership Details ( từ TCIF thành SCIF). |  |
| 6 | Collateral | Trường Collateral ownership ID trong tab Owership Details không được cập nhật từ TCIF sang SCIF cho các hồ sơ tiếp theo (sau khi đã có SCIF) |  |

1. Một số kiến nghị

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Phản hồi của nhà thầu** | **Ghi chú** |
| 1 | Nhà thầu phối hợp với MSB xử lý triệt để các hạng mục còn tồn đọng trong thời gian sớm nhất, bao gồm:   * Xử lý các lỗi báo cáo * Update lại phiên bản tiếng việt |  |  |
| 2 | Nhà thầu hỗ trợ xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống trên môi trường Production |  |  |

*Hà Nội, ngày tháng năm*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quản trị dự án**  ***Project Manager*** | **Trưởng nhóm nghiệp vụ**  ***Business Team Leader*** | **Đại diện đối tác Infosys**  ***Representative of Infosys*** | **Đại diên đối tác CMC**  ***Representative of CMC*** |
| **Trần Văn Cường** | **Vũ Thị Thủy** |  | **Nguyễn Xuân Núi** |

|  |
| --- |
| **Giám đốc dự án/*Project Director***  **Sai Prasad Tummapudi** |

**Phụ lục của văn bản này được rà soát và xác nhận bởi:**

- Thành viên tổ CLOS:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Chức danh** | **Chữ ký** | **STT** | **Họ tên** | **Chức danh** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hoa | SME-RRTD MB |  | 2 | Bùi Thị Kim Dung | EB-QLKD |  |
| 3 | Đàm Huy Hoàng | SME-GD.PDTD MB |  | 4 | Vũ Minh Hải |  |  |
| 5 | Nguyễn Thị Diệu Thùy | EB-QLKD |  | 6 | Nguyễn Thị Quỳnh Dương | VH-QTTNTD |  |

#### **Phụ lục 01: CLOS MRD**

| **MRD** | **Nội dung MRD** | **Thành viên kiểm thử** | **Kết quả** | **Ký xác nhận** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOS001 | Tại màn hình Application - Ngân hàng muốn tạo ra các luồng hồ sơ khác nhau cho Khách hàng của SME và LCs , trong các Khách hàng của SME có thể chia nhỏ thành các phân khúc như SME/SSE, trong phân khúc SME lại chia thành FULL, Limit, Chuỗi. LCs cũng tương tự như SME là chia nhỏ ra thành SMC, LMC, LC. Việc chia nhỏ sẽ do IT của ngân hàng có thể thêm/sửa/xóa theo yêu cầu của nghiệp vụ. Infosys cần thêm chi tiết vì mã số hồ sơ được tạo ra chỉ với chi tiết CIF |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS002 | Ngân hàng muốn cập nhật tỷ giá từ Core vào trường "Exchange rate" tại mọi thời điểm và tại tất cả các giai đoạn | Team CLOS | Đáp ứng |  | CLOS team đã thống nhất lại lấy giá trị ban đầu tại thời điểm tạo hồ sơ. Vì nếu tỷ giá phê duyệt thay đổi trong quá trình làm hồ sơ sẽ dẫn tới biến động giá trị trong quá trình phê duyệt và ra quyết định phê duyệt |
| CLOS003 | Tất cả các trường Remarks & Description trong CLOS đều hỗ trợ đến 2000 ký tự | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Cần kiểm tra lại số lương ký tự đã quy định, vì trường Remark: FNM tối đa 250 ký tự |
| CLOS004 | Trong trang Limit general details NH muốn thêm trường "Credit Decision Validity Period" |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS005 | Trong Product details > A/c officer ID: người dùng có thể chọn User ID từ Silver lake và khi mở account trong CORE, giá trị/trường này được hiển thị trong OFFICER CODE |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng Product với CLOS hiện tại |
| CLOS006 | Interest Details > NH yêu cầu thêm trường "Interest Promo Code" với lựa chọn tìm kiếm từ searcher |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS007 | Trong màn hình Interest Screen, NH muốn trường Min&Max Interest Pcnt để trống và cho người dùng nhập |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Nghiệp vụ xác nhận yêu cầu không cần thiết và chấp nhận bỏ |
| CLOS008 | Project Finance > NH muốn có email alert đối với review date (Milestone Inspection Date) đối với tài trợ dự án | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS011 | Related Party > NH muốn thêm giá trị "None" trong dropdown của Entity type để ghi nhận thông tin đối tượng liên quan là cá nhân/doanh nghiệp không có CIF. NH đã gửi các trường free text cần có trên trang này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS012 | Trong usecase Related Party khi Entity Type là "None và là Firm thì trong màn hình, trường "Status of the Firm" phải có dropdown với các giá trị: Active/Inactive/Bankrupt/No Information/Temporary Shutdown/Others |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS013 | Credit Bureau Report > NH muốn có trường để upload và đính kèm báo cáo CIC DS và khi upload thì trường Report Validity Till là trường bắt buộc. Các trường còn lại: Report ID, Report Type & Credit Score for Cr. Filter phải là các trường free text và không bắt buộc |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS014 | Fee Details > NH muốn định nghĩa công thức tính phí và LOS cần tính theo công thức và chuyển sang silver lake |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS015 | NH muốn thay đổi thứ tự trong đó địa chỉ được nhập trong màn hình Collateral Detalis. Người dùng sẽ chọn Country - Province / City - District - Ward - Street No. - Street Name.  Country - trường Data Category  Province / City - trường Data Category District - trường Data Category Ward - trường Data Category Street No. - trường Free Text  Street Name - trường Free Text Landmark – trường Text Additional (100 ký tự) Postal Code – không bắt buộc | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Không thể thực hiện theo thứ tự mapping này vì lý do kỹ thuật và sự ổn định của Hệ thống |
| CLOS016 | NH muốn thêm trường free text là Landmark trong Address Details của màn hình Collateral Details | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS017 | NH muốn Mortgage Name trong danh sách Charge Details trong usecase Collateral Details là trường data category | Team CLOS | Đã bỏ | Đã bỏ | Ẩn tab này do không sử dụng |
| CLOS018 | NH muốn "Referen value" là dropdown được thêm vào trường Valuation Type trên màn hình Valuation Basis | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS019 | Các thông tin được khởi tạo trên LOS sẽ được đẩy qua Collat 4 để kích hoat quy trình định giá (Khởi tạo yêu cầu, định giá tài sản,...). Collat 4 sau khi tiến hành định giá xong sẽ gửi trả kết quả cho LOS bao gồm: Các thông tin liên quan đến TSBĐ (Số nhà, địa chỉ,…) và giá trị TSBĐ. Các thông tin này sẽ phải khớp với Core và Collat 1 | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS020 | Sau khi người dùng upload hồ sơ trên LOS, hệ thống LOS sẽ đẩy toàn bộ tài liệu về ECM lưu trữ theo quy định của ECM (loại tài liệu, tên tài liệu, thư mục,….). Khi tài liệu trên ECM bị chuyển trạng thái (inactive) thì trên LOS không view được tài liệu này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS021 | NH muốn tích hợp Collat4, LOS và ECM |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS022 | NH muốn Ceiling Limit for Drawing Power mặc định là 100% của trường Collateral Value và cho phép chỉnh sửa | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS023 | NH muốn thay đổi thứ tự trong đó địa chỉ được nhập trong màn hình Ownership Details. Người dùng sẽ chọn Country - Province / City - District - Ward - Street No. - Street Name.  Country - trường Data Category  Province / City - trường Data Category District - trường Data Category Ward - trường Data Category Street No. - trường Free Text  Street Name - trường Free Text  Landmark – trường Free Text bổ sung (100 ký tự) Postal Code – không bắt buộc | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Không thể thực hiện theo thứ tự mapping này vì lý do kỹ thuật và sự ổn định của Hệ thống |
| CLOS024 | NH muốn gửi Email alert khi có Insurance Due Date |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS025 | NH muốn thay đổi thứ tự trong đó địa chỉ được nhập trong màn hình Solicitor Details. Người dùng sẽ chọn Country - Province / City - District - Ward - Street No. - Street Name.  Country - trường Data Category  Province / City - trường Data Category District - trường Data Category Ward - trường Data Category Street No. - trường Free Text  Street Name - trường Free Text  Landmark – trường Free Text bổ sung (100 ký tự) Postal Code – không bắt buộc | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Không thể thực hiện theo thứ tự mapping này vì lý do kỹ thuật và sự ổn định của Hệ thống |
| CLOS026 | NH muốn thêm các trường sau trong màn hình Solicitor Details: Power of Attorney No.: Free Text 50 ký tự Power of Attorney Date: chọn từ lịch Place of Power of Attorney Signed: Searcher | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS027 | Nh muốn thêm cột "Property Document No" trong màn hình Collateral Summary | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS028 | Nh muốn thêm trường free text là "Remarks" trong tất cả các trang đầu tiên của Collateral Types | Team CLOS | Đáp ứng một phần |  | Do tích hợp với core nên trường này tối đa 50 ký tự |
| CLOS029 | Ngân hàng muốn LOS hiển trị trạng thái phong tỏa của tài sản là Giấy tờ có giá (bao gồm cả TTK/hợp đồng tiền gửi/tài khoản thanh toán…..). Các thông tin cần hiển thị gồm: A/c status (Active hoặc CLOSed), Earmark Amount, Maturity Date, Original Amount, Auto-Renewal Status, Principal Trf và Int Trf A/c | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS030 | Ngân hàng muốn phong tỏa Tiền gửi (thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi/Chứng từ tiền gửi ...làm TSBĐ, hệ thống LOS phải hiển thị trạng thái quay vòng và tài khoản trả gốc/lãi, kỳ hạn….của tài sản trên Siverlake cho người dùng. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS031 | Ngân hàng muốn LOS phong tỏa được tài sản bảo đảm là số dư Tiền gửi thanh toán/Tài khoản ký quỹ… làm tài sản bảo đảm trên LOS như giấy tờ có giá. Trường Earmark amount được tăng đúng bằng giá trị apportioned value sau khi booking | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS032 | Trong trang Deposit Collateral Type summary, NH muốn thêm cột "Home CCY Collateral Value" khi tiền gửi bằng ngoại tệ |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS033 | Guarantee Collateral Type, NH muốn thêm các trường sau: Bank Name: Free Text Branch Name: Free Text Address Details: giống định dạng địa chỉ TSĐB của các loại tài sản khác Tên và chức vụ của người ký BG Swift code: Guarantee Type: NH sẽ gửi danh sách các loại BG hiện có Value: Description Start Date: End date Effective Date Guarantee Period | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS034 | Đối với Vehicle collateral type, NH muốn thêm các trường sau:  Country of Manufacture: Free text Certificate of Origin: Free Text Certificate of Quality: free text Custom declaration form: free text |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS035 | Đối với vehicle collateral type, NH muốn các trường sau là không bắt buộc: VIN No. Date of Manufacture Month of manufacture  Country of manufacture. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS036 | Trong Collateral Type > màn hình Insurance, NH muốn trường Insurance Agent Details là dropdown hoặc có tùy chọn tìm kiếm | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS037 | NH muốn gửi Email alert đến user/group ID khi Financial Monitoring Items vào khay theo dõi |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS038 | NH muốn gửi email Alert đến user/group ID khi Non Financial Monitoring Items vào khay theo dõi |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS039 | NH muốn upload báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, dòng tiền, tính tỉ lệ và phân tích của NH trong sheet) trên LOS và LOS cần hiển thị các giá trị này trong các nội dung thành phần/các trường tương ứng lưu trên LOS để xem |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS040 | NH muốn LOS kiểm tra các spread sheet được upload trên usecase Financial Statement đối với định dạng file và giá trị các trường dạng số |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS041 | NH muốn LOS cho phép upload nhiều spread sheet trong use case Financial Statement |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS042 | Trong 1 file đơn có nhiều sheet thì NH muốn LOS nhận dạng dữ liệu và tên của các sheet khi upload |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS043 | NH muốn LOS cho phép upload lại spread sheet yêu cầu trong trường hợp có lỗi/upload nhầm file bằng cách xóa các file đã tải lúc trước |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS045 | NH có hệ thống scoring dùng cho tất cả các hồ sơ vay theo chiều dọc, sản phẩm và đề nghị vay. NH đang thảo luận về Technical DRG và nếu có thể thực hiện thì NH muốn chỉ sử dụng LOS |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS046 | Nếu tích hợp LOS với CSS đảm bảo các thông tin có trên LOS thì sẽ được kéo về CSS, các thông tin chưa có trên LOS thì người dùng sẽ nhập tiếp trên CSS. Khi có kết quả xếp hạng của khách hàng, hệ thống LOS sẽ tự động cập nhật thông tin khi có yêu cầu của người dùng từ CSS. Các thông tin cập nhật sang LOS bao gồm: ID xếp hạng, Điểm xếp hạng (tài chính, phi tài chính), xếp hạng (ví dụ: R1, R2, R3, R4, R5), khuyến nghị của công cụ. Hệ thống LOS ghi nhận thời điểm cập nhật thông tin xếp hạng lên LOS. Hệ thống hiển thị thông tin xếp hạng gần nhất của khách hàng nhưng cho phép người dùng có thể xem lại các thông tin xếp hạng cập nhật trước đó. Đối với trường hợp một ID application trên LOS có nhiều thông tin xếp hạng của khách hàng (cho vay combo) thì hệ thống cho phép cập nhật nhiều thông tin xếp hạng, hiển thị các thông tin xếp hạng mới nhất theo sản phẩm/chương trình tín dụng…. Các thông tin xếp hạng theo segment này sẽ hiển thị thông tin xếp hạng mới nhất của từng segment nhưng cho phép người dùng có thể xem lại các thông tin xếp hạng cập nhật trước đó Yêu cầu cụ thể về tích hợp sẽ mô tả trong MRD về kỹ thuật | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS047 | NH muốn tích hợp LOS với ECM để chuyển file đính kèm, tương tự yêu cầu của RLOS |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS052 | Tất cả các trường Comments trong CLOS có 10,000 ký tự | Team CLOS | Đáp ứng |  | Ngân hàng thảo luận lại, các trường sẽ có 3500 ký tự gồm: Usecase Credit recommendation/ Credit decision (Trường Decision Remarks) |
| CLOS054 | Trong Credit Decision, NH muốn dùng ma trận phê duyệt trên LOS |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS055 | NH muốn thêm trường free text "Assignee Remarks" trong Needs list, bên cạnh Assignee ID của ASSIGN ITEM & EDIT ITEM | Team CLOS | Đáp ứng |  | Trường Assignee Remarks chỉ xuất hiện ở màn hình ADD NEEDLIST ITEM. Không xuất hiện ở màn hình ASSIGN ITEM và EDIT ITEM |
| CLOS056 | Trong usecae Credit Decision, NH muốn thêm trường "Credit Decision Validity Period" dưới trường Approved Amount | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS057 | NH muốn trường “Customer Preferential Interest Rate” trong màn hình Interest Details của usecase Product details được ẩn/bỏ hoặc mặc định giá trị 0 và là trường không được chỉnh sửa |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS058 | NH muốn LOS gửi alert cho trường Next Date of Valuation trong màn hình Valuation Agency của Collateral use case |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS059 | Trong Credit Write-Up, NH muốn có tùy chọn "Attach File" để đính kèm hình ảnh, biểu đồ, Doc . Excel |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS060 | Nh muốn thêm cột "Routing Time" cạnh Routing Date trong Application Tray | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS061 | Nh muốn thêm cột "Application Subtype" trong trang application tray phục vụ mục đích MIS và xem | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Việc chia nhỏ sẽ do IT của ngân hàng có thể thêm/sửa/xóa theo yêu cầu của nghiệp vụ |
| CLOS062 | NH muốn thêm trường "Application Creation Time" trong Application Landing Page>Application Dashboard | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS063 | NH muốn ẩn/bỏ Interest Rate Table Code trong limit details |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS064 | NH muốn tất cả các màn hình chi tiết về hạn mức và màn hình booking hạn mức có thêm một số trường ở siverlake được hiển thị để người dùng nhận biết.  NH đã chốt định dạng yêu cầu khi hiển thị trên màn hình Limit Booking. Các trường đó là: Limit Ref. No Limit Classification Booking Status Limit ID/A/c ID Error Details Limit Code: LOS & Core (Facility Code – LC, BG, OD, Bills) Approved Limit  Limit CCY Relation Level Parent limit reference number Expiry Date | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS065 | Nh muốn thêm trường " DPD & Loan Amt" trong Link Direct Entities List & Link Indirect Entities List dưới Related Party use case theo CIF ID tương ứng |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS066 | Khi lấy báo cáo TSĐB liên quan đến ngày hết hạn định giá tiếp theo trong menu Maintain Collateral, NH muốn xuất báo cáo theo định dạng excel |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS067 | NH muốn thêm cột "Property Doc. No" cạnh collateral code trong màn hình Collateral Booking. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS069 | NH muốn có usecase Roll back như trong RLOS mà không xóa dữ liệu |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS070 | Ngân hàng muốn bổ sung thêm 4 trường thông tin trong use case Limit >> dưới màn hình General Details: 1. Số hợp đồng tín dụng: định dạng text 50 ký tự  2. Ngày ký hợp đồng: Calendar 3. Người ký hợp đồng: định dạng text 50 ký tự 4. Ủy quyền: định dạng text 50 ký tự Purpose code of Limit: đã được chia sẻ bởi ngân hàng | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS071 | NH muốn thêm các trường "Open/CLOSe date" trong Limit use case >> cuối màn hình General Details. Trước khi book sản phẩm, LOS phải kiểm tra hiệu lực của trường open/CLOSe date so với Exp. Date & ngày hiện tại |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS072 | NH muốn các trường sau trong màn hình Interest Details của Product details: Cost of Fund: Free Text. Chỉ nhập số với dấu dương, đây là trường bắt buộc  Marginal Rate: Free Text. Chỉ nhập số với dấu dương. Discounted Rate: Free Text. Chỉ nhập số với dấu âm. Effective Interest Rate: Cost OF Fund (+) Marginal Rate (-) Discount Rate. Trường này chỉ kiểm tra khi có dấu dương. Hệ thống sẽ tự động tính và không cho phép điều chỉnh. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS073 | NH muốn thêm trường “Interest Review Frequency” | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS074 | Trong Product details use case tại bước Post Approval, NH muốn trường Repayment Method mặc định là No Batch Recovery |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS075 | Trong Product Details>màn hình Interest Details, NH muống thêm các trường sau: Interest Review Date & Interest Review Frequency |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS076 | NH muốn trường Repricing Plan là không bắt buộc |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS077 | NH muốn LOS lấy Penalty Interest Table Code từ Silver Lake |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS078 | Trong màn hình Payment Parameter, NH muốn ẩn/bỏ trường "HolidayPeriod" |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS079 | NH muốn quản lý các giá trị theo silver lake trong trường Installment Frequecny |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS081 | NH muốn trường Installment Amt có dropdown/tùy chọn searcher với các giá trị Paymnet code từ silver lake |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS082 | NH muốn thêm trang "Alternative Repayment Schedule" trong Product Details. Các trường có sẵn trong trang này: No. Of Installments;Payment Date;Payment Amt.. Etc |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS083 | NH muốn LOS tính và hiển thị Amortization schedule trong LOS để tham khảo |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS084 | Trong màn hình Product Details, NH muốn thêm trường "Industry Code L3 & Industry Code L5" với tùy chọn searcher. Đây là trường bắt buộc |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS085 | NH muốn LOS kiểm tra CIC,Op Risk , AML, FATCA, Black List trước khi tạo số hồ sơ |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS086 | NH muốn thêm trường "Collateral Branch" trong trang collateral details, dưới trường Description. Trường này là trường dropdown để người dùng lựa chọn | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS087 | NH muốn thêm trường "TAX Decalartion" trong Financial Statement section. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS088 | Ngân hàng muốn trường "Tax Declaration" được khả dụng với các giá trị trong Maintain Financial Statement |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS089 | NH muốn thêm trường "Industry Code" trong màn hình General details, trường này là trường dropdown để người dùng lựa chọn. | Team CLOS | Đáp ứng |  | 31/07: đã xây thêm trường Industry Code trong usecase Project Finance |
| CLOS090 | NH muốn thêm cột "Product Code" trong menu truy vấn theo tài khoản, cạnh cột Product Ref No. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS091 | NH muốn thêm trường "Total Exposure" trong General details >> CIF details. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS092 | NH dùng OpRisk tool để kiểm tra nếu khách hàng thuộc Blacklist, Blocklist hoặc Warning List. NH dùng AML/FATCA website để kiểm tra xem khách hàng có thuộc bất cứ danh sách nào không. Theo đó NH muốn tổng hợp các kiểm tra trong quy trình thực hiện của CLOS. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS093 | NH muốn các ngoại lệ tương ứng đính kèm tự động vào hồ sơ nếu KH có trong dữ liệu OpRisk and AML/FATCA. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS094 | NH dùng báo cáo tín dụng CIC khi xử lý hồ sơ. Đối với mục đích này NH tạo công cụ CIC Data Store. Sẽ quyết định hướng tiếp cận cho báo cáo tín dụng CIC sau khi NH cung cấp thêm thông tin về CIC Data Store. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS095 | NH muốn LOS tạo các tài liệu như hồ sơ, khuyến nghị, phê duyệt, tờ trình thẩm định, báo cáo thẩm định theo template của ngân hàng. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS096 | NH muốn tạo báo cáo ngày hết hạn bảo hiểm trên LOS |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS097 | Ngân hàng muốn hệ thống LOS trong màn hình limit details phải kiểm tra được ngày hết hạn hạn mức của hạn mức con không được phép vượt quá ngày hét hạn hạn mức của hạn mức cha. Nếu người dùng nhập sai hệ thống sẽ ra cảnh báo | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS098 | NH muốn đính kèm và xem tài liệu trong Financial Monitoring Items khi cập nhật trạng thái item trong menu Tracking Financial Monitoring Items. | Team CLOS | Đang UAT |  |  |
| CLOS099 | NH muốn đính kèm và xem tài liệu trong Non Financial Monitoring Items khi cập nhật trạng thái item trong menu Tracking Non-Financial Monitoring Items menu. | Team CLOS | Đang UAT |  |  |
| CLOS101 | NH muốn các giá trị trong Application Sub type được dùng để phân luồng xử lý hồ sơ. NH có thể tùy chỉnh các giá trị trong Application sub type và phân luồng xử lý hồ sơ chính sách từng thời kỳ. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS102 | Trong màn hình Product Details, NH muốn thêm trường "Industry Risk" có dropdown. Đây là trường bắt buộc |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS103 | NH yêu cầu " Trong Limit Details>> Performance Details >> hệ thống tính toán và hiển thị "Total Exposure" và nhóm nợ của KH" | Team CLOS | Đáp ứng |  | CLOS team thống nhất chỉ lấy dư nợ Nội + Ngoại bảng của khách hàng tại thời điểm khởi tạo hồ sơ do cấu trúc và phương thức lấy Nhóm nợ, Dư nợ khả dụng trên Corebanking là rất phức tạp |
| CLOS105 | NH muốn kiểm tra AML của KH và người liên quan khi tạo hồ sơ. Một use case riêng được tạo trong General Details và Related parties để hiển thị kiểm tra AML Check & Oprisk details | Team CLOS | Đáp ứng |  | Chức năng kiểm tra AML, Oprisk được xây dựng tại usecase riêng Applicant Check |
| CLOS106 | NH muốn kiểm tra Oprisk khi tạo hồ sơ và kiểm tra AML. Chi tiết Oprisk được hiển thị trong use case riêng trong General Details section cùng với AML check. | Team CLOS | Đáp ứng |  | Chức năng kiểm tra AML, Oprisk được xây dựng tại usecase riêng Applicant Check |
| CLOS107 | NH muốn kiểm tra CIC DS sau khi hoàn thành kiểm tra AML & Oprisk đối với người vay. Kết quả CIC DS được hiển thị trong Credit Bureau Report use case. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS108 | NH muốn kiểm tra AML & OpRIsk & Early warning đối với người đi vay được hiển thị trong use case riêng trong General Details section. | Team CLOS | Đáp ứng |  | Chức năng kiểm tra AML, Oprisk được xây dựng tại usecase riêng Applicant Check Nội dung kiểm tra Early Warning không tích hợp do dữ liệu không đồng bộ, tham khảo thông tin qua usecase Credit Scoring |
| CLOS109 | NH muốn kiểm tra AMLFATCA ,AML, OpRisk & CIC DS cho tất cả các Related Parties - Retails CIF, Corporate CIF & Non MSB Customers và kết quả được hiển thị trong use case hiện có hoặc use case riêng trong Related Party Section. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS110 | Trong bước Post Approval NH muốn thêm bước "Documentation" | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Ngân hàng muốn thực hiện soạn thảo trên hệ thống. Chuyển sang module report, tuy nhiên hạng mục này chỉ giới hạn 5 báo cáo cho CLOS. Nên không thực hiện được |
| CLOS111 | Ngân hàng không muốn AA của 1 Khách hàng được cộng dồn từ các hạn mức con. Mỗi Khách hàng chỉ có 1 hạn mức AA và do người dùng khai báo. Dưới hạn mức AA có rất nhiều hạn mức con với nhiều cấp độ khác nhau. AA không có ngày expiry date và có 4-5 trường thông tin để tạo ra AA. Yêu cầu nhà thầu show rõ giải pháp | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS112 | NH muốn kiểm tra AML, OpRisk & CIC DS cho tất cả các Related Parties - Retails CIF và TCIF, Corporate CIF & TCIF và kết quả được hiển thị trong use case hiện có hoặc use case riêng trong Related Party Section | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS114 | Hệ thống siver lake hiện tại không hỗ trợ tạo Group limit và Group ID nên NH muốn tạo và lưu thông tin group limit và group ID trên LOS | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS115 | NH muốn hạn mức AA là hạn mức tối đa cho khách hàng và tạo hạn mức AA trên LOS và bắn vào siver lake. Mỗi khách hàng chỉ có 1 hạn mức AA nhưng có nhiều cấp hạn mức khác nhau | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS116 | Customer limit (AA) là hạn mức không có phân loại, không có ngày hết hạn. NH chỉ xác định số tiền, loại tiền và hạn mức chia sẻ | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS117 | Các trường bắt buộc khi tạo AA trên LOS và book vào Silver Lake: Officer Code: user id trên silver lake  CCY Customer Limit (AA) Special Information Codes: có 4 trường với các giá trị trong dropdown. NH đã cung cấp dữ liệu trong phần mapping |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS118 | NH muốn tính hạn mức và số tiền khả dụng cho product dựa trên các điều kiện đặc thù theo biên bản phê duyệt trên LOS. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS119 | NH sẽ gửi chi tiết AML FATCA. Đối với Non MSB Customer - tạo TCIF cùng với hồ sơ | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS120 | NH muốn có kiểm tra Early Warning System trên màn hình kiểm tra AML, OpRisk |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS121 | NH muốn RM kiểm tra Early Warning System sau khi tạo hồ sơ và AM kiểm tra lại trong bước Credit Decision. Khi AM kiểm tra thì dữ liệu mới nhất được lấy checks latest data to be fetched |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS122 | NH muốn thêm trường “Remarks” trong phần Early Waring Check. NH muốn dùng để ghi nhận xét của RM hoặc AM |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS123 | Các trường sau được hiển thị trong LOS khi lấy kết quả từ EWS: Overall Heat map Financial Analysis Statements Conclusion Site Visit Conclusion  Site Visit Conclusion  Risk Investigation Report |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS124 | Tất cả các kết luận từ Early Warning System là kết luận mới nhất bất cứ khi nào người dùng kiểm tra |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS125 | NH muốn mở hạn mức OD dưới AA | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS126 | NH muốn mở tài khoản OD trong Liabilities theo đầu hạch toán GL của Current A/c |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS127 | Ngân hàng muốn thêm trường "Industry L3 & Industry L5" khi tạo standalone CIF trong phần Capture More Information | Team CLOS | đáp ứng |  |  |
| CLOS128 | TSĐB luôn được gắn với hạn mức level 0 | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS129 | Ngân hàng muốn người dùng chỉ có lựa chọn xem các thông tin TSĐB trong màn hình book TSĐB khi nhấn đường dẫn Collref… | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS130 | Ngân hàng muốn lấy giá trị gần nhất của TSĐB đối với TSĐB hiện hữu trong lần tạo hồ sơ tiếp theo (dùng Additional Application) từ Collat 4 |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS131 | Ngân hàng muốn thông báo kiểm tra mối quan hệ hạn mức cha và hạn mức con được hiển thị trong LOS khi đây là hạn mức Non-Shared |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS132 | Đối với hạn mức nhóm, NH muốn hiển thị thêm 1 cột " "Parent Limit Ref No." trong Limit Hierarchy . | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS133 | Khi Hạn mức nhóm dùng chung (100 tỷ) cho 2 CIF được phê duyệt. Sau này, nếu người dùng muốn thêm một CIF thứ 3 đã có sẵn hạn mức là 150 tỷ, hệ thống cần cho phép thêm trong additional application của hạn mức nhóm và việc tăng hạn mức nhóm cũng xác định lại biên bản tín dụng dựa vào các tính toán điều kiện. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS134 | Ngân hàng muốn LOS hiển thị tổng hạn mức của CIF thứ 3 này khi CIF này có hạn mức riêng lẻ, hạn mức nhóm, hạn mức chuỗi cung cấp. Đồng thời cho phép người dùng định nghĩa các tính toán theo các điều kiện đặc biệt tùy thuộc vào khách hàng |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS135 | Hạn mức chuỗi được cung cấp cho ngân hàng chuyên doanh LC & SME. Ở đây, Hạn mức chuỗi sẽ được cố định vào một Anchor (Cmr) trong LMS mà không gắn với CIF. Dữ liệu này chỉ được lưu trên LMS. Sau đó, hạn mức riêng lẻ sẽ được tạo trong SL cho các nhà cung cấp, nhà phân phối, người dùng cuối khác nhau của Anchor Cmr. Khi tạo những hạn mức riêng lẻ này trong SL, sẽ không có việc kiểm tra với hạn mức chuỗi của LMS Anchor Cmr. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS136 | Ngân hàng muốn trường Rate Review Term/Code:\_\_\_/\_\_\_ trên LOS khi mở tài khoản vay, đây là thông tin của sản phẩm và cần được gửi vào SL ở bước mở tài khoản vay. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS137 | Ngân hàng muốn thêm trường "Late Charge code" trong usecase Limit và thông tin này người dùng nhập được và chuyển vào SL tại thời điểm book hạn mức. Các giá trị của Late Charge Code cần tương ứng với các giá trị trong SL. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS138 | Ngân hàng muốn liên kết TSĐB với hạn mức level 3 trong LOS nhưng khi được book vào Silver Lake, TSĐB cần được gắn với hạn mức level 0. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS139 | Ngân hàng muốn kiểm tra ngày hết hạn của hạn mức thấu chi với ngày hết hạn của sản phẩm | Team CLOS | Đã bỏ | Đã bỏ | Do CLOS không tạo đến cấp sản phẩm (TK vay, TK thấu chi) |
| CLOS140 | Trường Min&Max trong Product Details sẽ được map với trường Rate Floor & Rate Ceiling của Silver Lake |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS141 | Nếu standalone CIF được tạo trong LOS, các thông tin cần thiết cần phải được người dùng nhập, sau đó được đẩy vào Silver Lake và hiển thị ở các trường tương ứng ở các màn hình Create CIF và Maintain CIF. | Team CLOS | đáp ứng |  |  |
| CLOS142 | Sau khi tạo TCIF trên LOS và book vào Core, hệ thống cần cập nhật CIF từ Silverlake vào LOS. Sau đó, CIF ID từ Silver lake sẽ được dùng để truy vấn và thực hiện các nghiệp vụ trên LOS. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS143 | Hệ thống cần có khả năng kiểm tra trùng đối với các CIF được tạo trong Core và TCIF được tạo trong LOS dựa vào một trong các điều kiện, ví dụ Số đăng ký kinh doanh/Mã số thuế, CMND,… trong những trường hợp sau:  - TCIF của khách hàng đã được tạo trên LOS nhưng người dùng cũng tạo một CIF mới dùng những thông tin bị trùng - Khách hàng hiện tại với CIF ID trên Silver Lake nhưng người dùng tạo TCIF trên LOS với cùng một pháp nhân sử dụng các thông tin bị trùng - TCIF được tạo cho khách hàng trên LOS, sau đó CIF ID cho cùng pháp nhân được tạo trên Silver lake (thông tin bị trùng). Khi TCIF được đẩy vào Silver lake, hệ thống sẽ kiểm tra để CIF ID mới sẽ không thể được tạo trong Core. Chỉ CIF ID đang tồn tại trên Silver lake được gọi ra. | Team CLOS | đáp ứng |  |  |
| CLOS144 | Màn hình Deduplication, cột bổ sung Registration Number cần được hiện thị ở cả màn hình Customer Dedup Results và Applicant Dedup Results | Team CLOS | đáp ứng |  |  |
| CLOS145 | Màn hình Search Customer, phần Customer Details List: các cột bổ sung là Registration number, NHCD cần được hiển thị |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS146 | Màn hình Maintain Project Details, bảng Project List: cần hiển thị các cột bổ sung CIF, Customer Name | Team CLOS | Đáp ứng |  | 31/07: Nhà thầu đã bổ sung 02 cột bổ sung CIF và Customer Name. |
| CLOS147 | Hệ thống cần hỗ trợ tự động tạo Needlist, Checklist, Financial/Non Financial Monitoring Items dựa vào các rule linh hoạt được ngân hàng định nghĩa và cấu hình. Người dùng có thể thay đổi danh sách những mục này. | Team CLOS | Đáp ứng |  | - Test phần Checklist, Financial/Non Financial Monitoring Items: đáp ứng - Test phần Needlist: đáp ứng |
| CLOS148 | Assigner (người giao) cần được hiển thị trong Needlist và Monitoring để Assignee (người được giao) biết được owner của những mục này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS149 | Cần phải xem được hạn mức khả dụng trước khi tạo hạn mức/mở tài khoản cho khách hàng | Team CLOS | Đã bỏ | Đã bỏ | Do CLOS không tạo đến cấp sản phẩm (TK vay, TK thấu chi) |
| CLOS150 | Khi tạo tài khoản, các trường dưới đây không bắt buộc chọn/nhập nhưng vẫn cần phải chuyển vào Core, và các thông tin này người dùng có thể chỉnh sửa được trên LOS (trên Silver lake, những thông tin này được nhập ở cấp hạn mức sau đó sẽ được chuyển vào cấp tài khoản): - Interest base, Interest method, Year base, Payment code - Penal interest (các giá trị của trường Penalty IntTable Code trên LOS cần được lấy từ Core) - Officer code (CLOS 005) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| CLOS151 | Khi tạo tài khoản, các trường dưới đây không bắt buộc chọn/nhập nhưng vẫn cần phải chuyển vào Core: - Origination Date – ngày mở tài khoản: trường này được hệ thống tự động cập nhật nhưng người dùng có thể chỉnh sửa được  - Status – trạng thái của tài khoản vay: hệ thống mặc định |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| CLOS152 | Các trường bố sung "Repayment term/code", "Interest due date/day": người dùng có thể nhập/chọn các giá trị |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| CLOS153 | Ngân hàng muốn các trường bổ sung "Repayment term/code", "First payment date/day" và người dùng có thể chọn/nhập giá trị |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| CLOS154 | Bổ sung trường "Final maturity date": tự động bắt và có thể chỉnh sửa được |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS155 | Trường bổ sung "Rate review day": người dùng có thể chọn/nhập giá trị (trong MRD, trường Rate review date và Rate review term/code được yêu cầu) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS156 | Bổ sung trường "Payment amount" và "Final payment amount": 2 trường này được tự động bắt dựa vào kỳ hạn vay và kỳ hạn trả nợ; trong trường hợp có lịch trả nợ thay thế được cài đặt, các giá trị ở những trường này sẽ được cập nhật tương ứng. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS157 | Các giá trị của trường Purpose code trong LOS sẽ lấy từ trường Purpose Code trong Core |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Phạm vi của dự án LOS sẽ không thực hiện tạo tài khoản vay nên những yêu cầu này đã được bỏ. |
| CLOS158 | Cần có lịch trả nợ khác nhau cho gốc và lãi (trong LOS, equated instalment bao gồm cả gốc và lãi) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| CLOS159 | Yêu cầu để theo dõi và quản lý các giấy tờ sau khi booking đối với needlist |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS160 | Hệ thống cần có khả năng tính toán số tiền vay/hạn mức dựa vào các điều kiện/tham số tín dụng được duyệt. Những điều kiện/tham số này cần được tham số hóa để MSB có thể chỉnh sửa ở những thời kỳ khác nhau (SA6.2) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS161 | Ngân hàng có thể tạo nhiều application mới khác liên quan đến việc thay đổi hạn mức cũ (tăng/giảm/thay đổi TSĐB) theo mong muốn của khách hàng mà không phụ thuộc hạn mức cũ của khách hàng vẫn đang còn hiệu lực. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS162 | Hệ thống có thể thêm nhiều loại Application (sub type) : Thay đổi điều kiện, chủ trương, rà soát trung hạn định kỳ, đầu tư trái phiếu, hạn mức ngắn hạn, trung hạn… Ngân hàng có thể tùy chỉnh các loại Appplication (sub type) này theo chính sách từng thời kỳ của ngân hàng |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS163 | Hệ thống cho phép tạo song song Application cho KH theo các phân khúc khác nhau cho các trường hợp KH duy trì song song HM theo PK full, Chuỗi và PK LM Hệ thống cho phép xử lý nhiều hồ sơ (application/limit/product) linh hoạt: có thể xử lý đồng thời nhiều hồ sơ, các hồ sơ này có thể giao cho nhiều user cùng xử lý theo dạng user/application. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Tính năng thiết kế mặc định của hệ thống không tạo được nhiều hồ sơ tại một thời điểm |
| CLOS164 | Hệ thống có khả năng thiết lập một quy trình tinh gọn để thu thập thông tin khách hàng bao gồmchỉ ra các tài liệu về khoản vay, TSBĐ (check list, Need list, Override..). Quy trình cần được tham số hóa để đảm bảo sự linh hoạt để MSB có thể điều chỉnh theo chính sách từng thời kỳ (SA7.9) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS165 | Hệ thống cho phép tạo application theo group ID và các KH con trên LOS. Hệ thống cho phép tạo hạn mức tổng cho group và hạn mức cho từng KH trong group. Người dùng có thể add thêm KH mới vào 1 group có sẵn và tạo group bao gồm những KH có sẵn số dư trên core | Team CLOS | Đáp ứng một phần |  | Không cho phép tạo hạn mức Tổng của Group. Lý do: hệ thống corebanking không có khái niệm nhóm KH, do đó sẽ không có cơ chế quản lý hạn mức tổng trên core. Ngoài ra LOS có root là tổng hạn mức của nhóm nhưng lại có cơ chế cộng dồn, không phù hợp với quy trình hiện tại của MSB |
| CLOS166 | Hệ thống cần cho phép tạo các báo cáo và tài liệu sử dụng các biểu mẫu và nhập các thông tin như: Số tiền đề xuất cho vay, các khách hàng do RM quản lý, báo cáo thẩm định… |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS167 | Đối với các khách hàng cũ: thông tin khách hàng như tên, số ĐKKD/mã số thuế, địa chỉ/số điện thoại/email/ngày thành lập, chủ sở hữu/kế toán trưởng… được lấy từ Core để cập nhật trên LOS nếu những thông tin này được chỉnh sửa hoặc thay đổi trong Core | Team CLOS | Đang UAT |  |  |
| CLOS168 | Khi additional application được tạo để tái tục hạn mức/thay đổi điều kiện tín dụng, ngân hàng muốn LOS hiển thị danh sách các hồ sơ được tạo/phê duyệt trước đó để người dùng truy vấn | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS169 | Hệ thống cần hỗ trợ định nghĩa luồng quy trình theo quy trình hiện tại của ngân hàng |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS170 | Hệ thống cần có khả năng tính toán số tiền cho vay/hạn mức dựa vào các điều kiện/tham số tín dụng đã được phê duyệt. Các điều kiện/tham số này cần được tham số hóa để MSB có thể chỉnh sửa được ở các thời kỳ khác nhau (SA6.2) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS171 | Tạo Commercial Credit Application, đối với khách hàng không có CIF, hệ thống cần cho phép tạo hồ sơ theo số đăng ký kinh doanh/mã số thuế. Đối với khách hàng hiện tại đã có CIF ID: cả tên khách hàng và số đăng ký kinh doanh/mã số thuế cần được lấy từ Core (hiện tại chỉ hiển thị tên khách hàng) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS172 | Trang Application Landing, bổ sung cột đối với số ĐKKD/MST của khách hàng | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS173 | Related Party: CIF ID không cần thiết đối với người giám hộ (hiện tại trường CIF ID là bắt buộc đối với người giám hộ) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS174 | Khi khách hàng có tài khoản vay được phân loại là nhóm 2 (dưới chuẩn), nếu hồ sơ được tạo, một needlist liên quan tới phê duyệt của quản lý có thẩm quyền cần được hệ thống tạo theo như quy định của MSB, sau đó hồ sơ mới có thể chuyển tới stage tiếp theo---> tùy chỉnh theo chính sách quản lý rủi ro ở từng thời điểm |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS175 | Hệ thống cần hỗ trợ theo dõi việc tuân thủ checklist bằng cách định kỳ xuất ra báo cáo về tuân thủ checklist (với file đính kèm), gửi email cảnh báo… Ngoài ra, bộ phận theo dõi tín dụng hoặc cấp quản lý có thẩm quyền có thể chủ động cập nhật trạng thái của checklist là tuân thủ/không tuân thủ, từ đó làm thay đổi hạn mức đã được book vào Core (phụ thuộc vào chính sách quản lý rủi ro của MSB) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS176 | Hệ thống cần hiện ra thông báo ở bước tìm kiếm CIF. Trên màn hình CIF, có trường Blacklist (Y/N), khi đó thông báo sẽ được hiển thị ở bước này. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS177 | Bổ sung thêm 1 cấp cho trung tâm Thẩm định LC (nằm ở giữa bước của ĐVKD và Credit decision). Trong bước thẩm định sẽ có các chức danh: CVĐP, CVTĐ, KSTĐ. Các trường tại bước của Trung tâm TĐ LC & FI sẽ là double các trường RM đã nhập và CVTĐ được quyền edit các thông tin RM đã nhập và đưa ra đề xuất tín dụng riêng. Cấp phê duyệt sẽ nhìn được cả hai thông tin do ĐVKD nhập và Tái thẩm định nhập và ra quyết định phê duyệt cuối cùng |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS178 | Ngân hàng muốn bổ sung trường "Source of fund" và "Use of fund" để user có thể nhập các thông tin liên quan. Đây là các trường dropdown list với các giá trị được cập nhật từ các trường tương ứng "Source of fund" và "Use of fund" trong Core |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS179 | Màn hình Booking Product, bổ sung trường "Message" cần để map với trường tương ứng trên Core. Trường Message này dùng cho một vài sản phẩm TB 23.02: Ngân hàng xác nhận trường này là bắt buộc đối với một vài sản phẩm như cấp tín dụng trước giao hàng. Ngân hàng hiện tại đang xem xét API của Silverlake và trường này sẽ được theo dõi ở phần API chỉnh sửa |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Không áp dụng product với CLOS hiện tại |
| CLOS180 | Bổ sung trường "Drawing limit" người dùng có thể nhập và cũng được hệ thống tự bắt số tiền còn lại sau khi lịch giải ngân được thực hiện |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS181 | Bổ sung trường Draw Down Schedule, Alt Payment Schedule và Alternate Rate với lựa chọn Y/N. Khi người dùng chọn Y, hệ thống cần mở để tạo được lịch trả nợ khác nhau với thông tin như các màn hình đính kèm. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS182 | Dưới đây là các trường để tạo khoản vay hợp vốn/vay ủy thác, vay gạch nợ: - Trường Participation code: để thay đổi tài khoản thông thường sang tài khoản P - Trường Create Participation A/C: tạo tài khoản S (như màn hình đính kèm) và để xác định lịch trả nợ - Partial Charge off: để tạo tài khoản C (trong file đính kèm) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| CLOS183 | Bổ sung trường dđể nhập tên người bán /người thụ hưởng từ AML check, kiểm tra trước khi phê duyệt cho nhà cung cấp (TCIF cho nhà cung cấp/người thụ hưởng có thể không có do đó cần tạo TCIF trước) | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| CLOS184 | Hệ thống LOS tích hợp với CSS đảm bảo các thông tin có trên LOS thì sẽ được kéo về CSS, các thông tin chưa có trên LOS thì người dùng sẽ nhập tiếp trên CSS. Khi có kết quả xếp hạng của khách hàng, hệ thống LOS sẽ tự động cập nhật thông tin khi có yêu cầu của người dùng từ CSS. Các thông tin cập nhật sang LOS bao gồm: ID xếp hạng, Điểm xếp hạng (tài chính, phi tài chính), xếp hạng (ví dụ: R1, R2, R3, R4, R5), khuyến nghị của công cụ. Hệ thống LOS ghi nhận thời điểm cập nhật thông tin xếp hạng lên LOS. Hệ thống hiển thị thông tin xếp hạng gần nhất của khách hàng nhưng cho phép người dùng có thể xem lại các thông tin xếp hạng cập nhật trước đó. Đối với trường hợp một ID application trên LOS có nhiều thông tin xếp hạng của khách hàng (cho vay combo) thì hệ thống cho phép cập nhật nhiều thông tin xếp hạng, hiển thị các thông tin xếp hạng mới nhất theo sản phẩm/chương trình tín dụng…. Các thông tin xếp hạng theo segment này sẽ hiển thị thông tin xếp hạng mới nhất của từng segment nhưng cho phép người dùng có thể xem lại các thông tin xếp hạng cập nhật trước đó. Chi tiết về yêu cầu tích hợp sẽ như trong file visio Luu do tich hop LOS&CSS đính kèm | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT001 | 2. Hệ thống cho phép tạo ra các văn bản dựa trên các template đã được định nghĩa từ trước: ví dụ tờ trình, hợp đồng tín dụng,…. Và cho phép chỉnh sửa trên văn bản được sinh ra. --> trùng với item 10 trong file này (đã chốt với a Khánh) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT002 | Trong màn hình Search Customer, phần Customer Detail List hiển thị thêm cột Registration number, NHCD  26/2: Ngân hàng đã cung cấp thông tin trong mail ngày 6/2. Có 8 trường liên quan đến SIC trong phần CIF maintanance. Thông tin này không yêu cầu khi tạo CIF. Tuy nhiên những thông tin này là bắt buộc khi tạo hồ sơ cho CIF hiện tại. Vì vậy thông tin này cần được hiển thị trong usecase General Details > CIF ID nút mở rộng | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT003 | Hệ thống cho phép lựa chọn tần suất trả lãi khác tần suất trả gốc, cho phép chọn tần suất trả gốc và tần suất trả lãi đối với tài khoản vay |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| EXT004 | Hệ thống cho phép tự động sinh ra các Needlist, Checklist, Financial/ Non-Financial Monitoring Item dựa trên các rule linh hoạt được cấu hình bởi bank. Người dùng ngân hàng có thể thay đổi danh sách các item này tùy từng thời kì | Team CLOS | Đáp ứng |  | - Test phần Checklist, Financial/Non Financial Monitoring Items: Đáp ứng - Test phần Needlist: Đáp ứng |
| EXT005 | Ngân hàng có thể tạo nhiều application mới khác liên quan đến việc thay đổi hạn mức cũ (tăng/giảm/thay đổi TSĐB) theo mong muốn của khách hàng mà không phụ thuộc hạn mức cũ của khách hàng vẫn đang còn hiệu lực. | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT006 | Hệ thống có thể thêm nhiều loại Application (sub type) : Thay đổi điều kiện, chủ trương, rà soát trung hạn định kỳ, đầu tư trái phiếu, hạn mức ngắn hạn, trung hạn… Ngân hàng có thể tùy chỉnh các loại Appplication (sub type) này theo chính sách từng thời kỳ của ngân hàng  26/2: Ngân hàng xác nhận rằng chỉ muốn thêm các application subtype khác | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT007 | Hệ thống cho phép tạo song song Application cho KH theo các phân khúc khác nhau cho các trường hợp KH duy trì song song HM theo PK full, Chuỗi và PK LM Hệ thống cho phép xử lý nhiều hồ sơ (application/limit/product) linh hoạt: có thể xử lý đồng thời nhiều hồ sơ, các hồ sơ này có thể giao cho nhiều user cùng xử lý theo dạng user/application. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT008 | Hệ thống có khả năng thiết lập một quy trình tinh gọn để thu thập thông tin khách hàng bao gồmchỉ ra các tài liệu về khoản vay, TSBĐ (check list, Need list, Override ...). Quy trình cần được tham số hóa để đảm bảo sự linh hoạt để MSB có thể điều chỉnh theo chính sách từng thời kỳ (SA7.9) | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT009 | Hệ thống nhận diện Khách hàng thuộc 1 chuỗi/chương trình tín dụng ngay khi tạo Application Các chuỗi/chương trình do MSB tham số theo từng thời kỳ | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT011 | Create Commerial Credit Application: Hệ thống cho phép khởi tạo Apppication theo số ĐKKD/Mã số thuế đối với KH chưa có CIF. Đối với các KH đã có CIF: Hệ thống phải lấy tên KH kèm ĐKKD/MST từ Core (hiện chỉ lấy tên KH) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT012 | Bổ sung thêm 1 cấp cho trung tâm Thẩm định LC (nằm ở giữa bước của ĐVKD và Credit decision). Trong bước thẩm định sẽ có các chức danh: CVĐP, CVTĐ, KSTĐ. Các trường tại bước của Trung tâm TĐ LC & FI sẽ là double các trường RM đã nhập và CVTĐ được quyền edit các thông tin RM đã nhập và đưa ra đề xuất tín dụng riêng. Cấp phê duyệt sẽ nhìn được cả hai thông tin do ĐVKD nhập và Tái thẩm định nhập và ra quyết định phê duyệt cuối cùng | Team CLOS | Đáp ứng một phần |  | + IFS đáp ứng bổ sung thêm cấp Điều phối và Thẩm định tín dụng cho trung tâm LC. + IFS không có giải pháp và hệ thống không đáp ứng kỹ thuật để xây dựng 02 màn hình thông tin để người dùng có thể nhìn được cùng một lúc (màn hình đề xuất của RM và màn hình của thẩm định CA) |
| EXT013 | Hệ thống LOS có màn hình truy vấn điều kiện tín dụng của khách hàng (Chưa hoàn thành) bao gồm (các điều kiện tín dụng theo Biên bản phê duyệt, nợ hồ sơ (mở hạn mức/giải ngân/tài sản…), hết hạn bảo hiểm, định giá lại…) theo cif của KH |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT014 | Mức độ ưu tiên của hồ sơ (High, Medium, Low) – trường Priority cấu hình theo rule của MSB và IT MSB có thể điều chỉnh được rule này.  26/2: Đội kỹ thuật đã xác nhận rằng có thể thực hiện được khi có kiểm tra từ hệ thống và không có rule. Vì ngân hàng không thể duy trì, đội đã quyết định bỏ yêu cầu này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT015 | Trong màn hình General Details, hiển thị thêm thông tin Ngân hàng chuyên doanh, giá trị này được gắn với từng CIF và kéo từ Silver Lake lên LOS  26/2: liên quan đến EXT002. Các trường SIC được hiển thị trong usecase General Details > CIF ID nút mở rộng. Ngoài ra, Số ĐKKD cũng được bổ sung trong 1 trường riêng in màn hình tìm kiếm CIF ID | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Đã hiển thị 8 trường thông tin yêu cầu trong usecase Application Details |
| EXT016 | Tại màn hình limit details, limit booking, limit Hierarchy trên LOS bổ sung thêm trường thông tin"hạn mức theo tiến độ Tài sản bảo đảm đưa vào" | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT017 | Tại màn hình limit details của từng limit, phần role của RM bổ sung thêm 5 trường thông tin cho người dùng nhập (người dùng nhập theo tỷ lệ %) đối với lựa chọn Drawing Power Indicator là Derived: 1. Hạn mức có tài sản (Secured Limit - %)  2. Hạn mức không tài sản (Unsecured Limit - %) 3. Hạn mức bổ trợ 1 (Support Limit 1 - %) 4. Hạn mức bổ trợ 2 (Support Limit 2 - %) 5. Tổng Giá trị HM theo TSBĐ (value) (Derived Limit Value = Drawing power) = Apportioned Value (K) \* (1+2+3+4). Lưu ý: - Giá trị Drawing power sẽ được đẩy vào Core tương ứng với trường Amount Approved - Các trường thông tin trên bắt buộc phải nhập ở bước RM (nhập giá trị = 0 nếu không có giá trị)/ - CA có chức năng edit các trường thông tin này Ví dụ:  o RM trình: 5 TS (đã có giá trị định giá) o Phê duyệt: hạn mức dựa trên 5 TS này (10 tỷ) o Tại thời điểm Booking lần 1:  § KH hoàn thiện 1 TS (bao gồm đầy đủ các hồ sơ ký kết, nhập kho TS). KH có nhu cầu mở hạn mức trên TS đã hoàn thiện (do không book được TS chưa hoàn thiện lên Core banking) § Bank thực hiện book 01 TSBĐ đã hoàn thiện vào Core banking o Tại thời điểm Booking lần 2:  § KH hoàn thiện thêm 1 TS – là TS nằm trong 5 TSBĐ đã được phê duyệt ban đầu § Bank thực hiện book tiếp 01 TSBĐ đã hoàn thiện vào Core banking | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT018 | Hệ thống cho phép ghi lại các nội dung tại màn hình đang xử lý/nhập liệu ngay cả khi mất kết nối và bị lỗi, tránh trường hợp phải nhập lại thông tin và kiểm tra lại các kết quả tích hợp từ hệ thống khác như CIC, Oprisk… |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT019 | Đối với các khoản mua/bán nợ: hệ thống có các trường thông tin để ghi nhận ngân hàng bán nợ (MSB mua)/ngân hàng mua nợ (MSB bán) bao gồm các thông tin sau: + Tên ngân hàng mua/bán nợ + Số tiền/giá của khoản mua/bán nợ + Phân loại nợ đối với khoản mua/bán + Dự phòng rủi ro đã trích + Kỳ hạn khoản mua/bán nợ (trường hợp mua bán nợ có kỳ hạn) + TSĐB gắn với khoản nợ mua/bán + Tên khách hàng/nhóm khách hàng có liên quan gắn với khoản mua/bán nợ + Dư nợ của khoản mua/bán | Team CLOS | Đáp ứng |  | Số trường yêu cầu IFS xây dựng cho mục đích báo cáo. Tuy nhiên, IFS cho rằng việc xây dựng nhiều trường sẽ phá vỡ cấu trúc giao diện và khai báo nhiều thông tin dưới nền. TGĐ chấp thuận rút gọn lại chỉ còn 02 trường thông tin. |
| EXT020 | Đối với khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, hệ thống có các trường thông tin để ghi nhận: Tên tổ chức phát hành Loại trái phiếu Mục đích đầu tư Mệnh giá Tổng mệnh giá đầu tư Lãi suất Phương thức trả lãi Thị giá  To chức sở hữu/bên bán trái phiếu (thứ cấp) Phương thức thanh toán: safe settlement/trình hạn mức thanh toán Hạn mức thanh toán đề xuất (nếu trình hạn mức thanh toán) | Team CLOS | Đáp ứng |  | Số trường mong muốn yêu cầu IFS xây dựng là nhiều. Tuy nhiên, IFS cho rằng việc xây dựng nhiều trường phá vỡ cấu trúc giao diện và khai báo nhiều thông tin dưới nền và TGĐ chấp thuận rút gọn lại |
| EXT021 | Đối với Nhận Ủy thác cho vay/đầu tư: hệ thống có các trường thông tin để ghi nhận:  Tên tổ chức/cá nhân ủy thác Nguồn vốn Tên KH cho vay/nhóm KH cho vay Phí nhận ủy thác Lái suất cho vay Loại TSBĐ và giá trị TSBĐ theo khoản nợ của KH Thời hạn nhận ủy thác | Team CLOS | Đáp ứng |  | Số trường mong muốn yêu cầu IFS xây dựng là nhiều. Tuy nhiên, IFS cho rằng việc xây dựng nhiều trường phá vỡ cấu trúc giao diện và khai báo nhiều thông tin dưới nền và TGĐ chấp thuận rút gọn lại |
| EXT022 | Bao thanh toán: Tên bên bao thanh toán, tài chính cơ bản của bên bao thanh toán, xếp hạng (nếu có)… | Team CLOS | Đáp ứng |  | Số trường mong muốn yêu cầu IFS xây dựng là nhiều. Tuy nhiên, IFS cho rằng việc xây dựng nhiều trường phá vỡ cấu trúc giao diện và khai báo nhiều thông tin dưới nền và TGĐ chấp thuận rút gọn lại |
| EXT023 | Group ID: hệ thống cho phép gán khách hàng mới (chưa có APP, CIF trên LOS) vào group ID đã có trên LOS; Và ngược lại, hệ thống cho phép gán khách hàng đang tồn tại trên LOS vào nhóm khách hàng được mở mới. Việc gán các CIF vào Group ID được thực hiện tại bất kỳ trạng thái nào của hồ sơ và tại các bước xử lý hồ sơ. | Team CLOS | Đáp ứng một phần |  | Hệ thống chỉ hỗ trợ thêm CIF vào group tại thời điểm tạo hồ sơ, không hỗ trợ tại bất kỳ trạng thái nào khác. Đây là tính năng cơ bản của hệ thống và không thể thay đổi được. |
| EXT024 | Group ID: hạn mức của khách hàng (hạn mức con) được gán vào nhóm sẽ phải tuân thủ điều kiện tín dụng/giới hạn tín dụng của nhóm. VD: hạn mức của khách hàng thuộc nhóm được cấp cao hơn hạn mức nhóm, khi gán khách hàng này vào nhóm, hạn mức của khách hàng bị chặn bởi hạn mức của nhóm | Team CLOS | Không đáp ứng |  | Lý do: hệ thống corebanking không có khái niệm nhóm KH, do đó sẽ không có cơ chế quản lý hạn mức tổng trên core. Ngoài ra LOS có root là tổng hạn mức của nhóm nhưng lại có cơ chế cộng dồn, không phù hợp với quy trình hiện tại của MSB |
| EXT025 | Nếu có nhiều người phê duyệt trong Credit decision stage, hệ thống cho phép hơn 1 người dùng được phê duyệt cùng một lúc | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT026 | Đối với các hồ sơ trình phê duyệt tín dụng tại một chi nhánh, giải ngân và quản lý tại chi nhánh khác, hệ thống cho phép linh hoạt xử lý (bao gồm chia sẻ hạn mức, tỷ lệ giải ngân, kiểm soát hồ sơ) và người dùng (theo định nghĩa phân quyền của ngân hàng) có thể quản lý và theo dõi. |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT027 | Hệ thống có thể và đảm bảo việc nhận diện và đồng bộ giữa số tài khoản vay tự sinh trên core và các tài khoản Product tự sinh trên LOS để đảm bảo các thông tin này là đồng nhất, phù hợp trong việc tra cứu, truy suất thông tin của ngân hàng (data base, report). |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT028 | Màn hình mapping tài khoản vay trên LOS và trên Core, yêu cầu các trường thông tin tương ứng trên core phải tương ứng với các trường thông tin trên LOS. Nếu trường thông tin nào trên core có mà trên LOS không có thì bổ sung trường đó trên LOS |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| EXT029 | Các khách hàng được gắn vào group có thể lựa chọn share hoặc non share. Trường hợp chọn share thì Limit tổng sẽ bao gồm hạn mức của khách hàng trong nhóm/ nếu chọn non share thì Limit không cộng hạn mức con, nhưng Limit Root vẫn cộng giá trị hạn mức của toàn bộ khách hàng trong nhóm | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT030 | Hệ thống cho phép khởi tạo, phê duyệt và thực hiện các bước sau phê duyệt trên LOS đối với loại hình Doanh nghiệp tư nhân (theo 065 hoặc 126) Post Approval: VH ghi nhận HM theo Chủ DNTN theo quy định của NHNN. HM của chủ DNTN được dùng phục vụ hoạt động kinh doanh của DNTN VH ghi nhận HM trên Core theo Chủ DNTN |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Hệ thống không hỗ trợ. Vì phê duyệt theo luồng CLOS nhưng lại khởi tạo theo CIF của Cá nhân. Hiện tại LOS sẽ có cơ chế kiểm tra nếu CIF của Cá nhân thì phải tạo theo luồng của RLOS. --> Giám đốc dự án Mr. Khánh đồng ý là thực hiện bên ngoài hệ thống CLOS |
| EXT031 | Thêm trường Source of fund/ Use of fund để key nguồn cho tài khoản vay. Hiển thị dưới dạng Drop-down list và dữ liệu lấy từ trường Soruce of fund và Use of fund trên Core Banking |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT032 | Bổ sung các trường Kế hoạch rút vốn, Lịch trả nợ thay thế, Lãi suất thay thế với tham số để chọn là Yes/No. Khi chọn Yes sẽ cho phép người dùng thiết lập được nhiều lịch với các thông tin tại các màn hình đính kèm  26/2: yêu cầu này phải được xác nhận sau khi nhận API từ IT ngân hàng ngày 27/2 |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT033 | Đề nghị có thể thực hiện trả gốc và lãi theo lịch khác nhau (trên LOS đang gộp gốc và lãi vào trả đều chung 1 kỳ) |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Do LOS không thực hiện đối với tạo tài khoản vay, chỉ dừng ở tạo limit/collateral |
| EXT034 | Yêu cầu theo dõi được chứng từ nợ sau giải ngân  26/2: Ngân hàng muốn theo dõi NL item sau khi booking | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT035 | Yêu cầu theo dõi được hồ sơ đầu ra đối với các khoản tài trợ phải thu trên LOS (Bổ sung trường để nhập thông tin đầu ra/hoặc thêm 1 bước để nhập các thông tin đầu ra: Từ khóa; Số, ngày HDKT đầu ra; TK người hưởng (KH vay); TK người mua; Tên + MST người mua; Số chứng từ giao hàng; ngày giao hàng dự kiến; ngày giao hàng thực tế; trị giá hàng giao; Ngày đến hạn thanh toán; Số hóa đơn; số tiền thanh toán )  26/2: Ngân hàng muốn bỏ yêu cầu |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT036 | Hệ thống cho phép kiểm soát việc tuân thủ các checklist, bao gồm: xuất báo cáo định kỳ việc tuân thủ checklist (có file bằng chứng kèm theo), các alert email...., cho phép kiểm soát tín dụng/cấp có thẩm quyền chủ động cập nhật trạng thái tuân thủ /không tuân thủ và việc này có thể ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp hạn mức đã được book vào core tùy thuộc vào chính sách rủi ro của MSB từng thời kỳ  26/2: Ngân hàng sẽ thực hiện trên CSS và bỏ yêu cầu này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT037 | Hệ thống hỗ trợ tự động gửi lời nhắc/ thông báo về việc định giá định kỳ hoặc những thay đổi đột xuất các thông tin liên quan đến TSĐB.  26/2: NH muốn tạo monitoring item để theo dõi việc định giá. Ngân hàng đồng ý với Infosys rằng những thay đổi về TSĐB không cần theo dõi bằng alert | Team CLOS | Đáp ứng |  | Báo cáo theo Monitoring item sẽ được trao đổi trong phần thảo luận về Báo cáo Thêm yêu cầu định giá lại TSĐB là một monitoring item trong hồ sơ |
| EXT038 | 1 tài sản bảo đảm đang link với hạn mức trên LOS và đã được bắn thông tin vào core. Khi người dùng muốn bảo đảm thêm cho 1 hạn mức thì sẽ thực hiện điều chỉnh giá trị link trên LOS và bắn thông tin cập nhật vào core (mà không phải gỡ link trên Core) | Team CLOS | Đáp ứng một phần |  | Chỉ thực hiện được được với điều kiện TSBĐ của chính khách hàng. Với TSBĐ đảm bảo cho nhiều KH thì phải sửa trên CORE. Lý do là hệ thống LOS chỉ hiển thị bản ghi linkage từ Core về LOS của chính KH đấy. |
| EXT039 | Hệ thống LOS cho phép nợ hồ sơ và quản lý hồ sơ nợ sau bước book tài sản.Tại bước book tài sản vẫn cho phép nợ hồ sơ và hệ thống vẫn cho phép book và quản lý hồ sơ nợ này (theo dõi được danh sách hồ sơ nợ, ngày đến hạn của hồ sơ nợ)  26/2: NH muốn theo dõi NL item sau khi booking | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT040 | Hệ thống LOS cho phép tách các bước theo quy trinh.Hiện chỉ có post approval, nhưng trước đó cần làm 1 số bước: 1. Soạn hồ sơ 2. Công chứng hồ sơ 3. Đăng ký GDBĐ ( tại văn phòng đăng ký đất đai, hoặc đăng ký trực tuyến) 4. nhập kho hồ sơ 5. booking | Team CLOS | Đáp ứng |  | Chuyển sang sử dụng tính năng Needslist |
| EXT041 | Hệ thống LOS update được dư nợ của từng limit (như vay, bảo lãnh (thanh toán, bảo hành…); LC (trả ngay, trả chậm)…từ core tại mọi thời điểm (truy vấn tại mọi thời điểm theo cif của Khách hàng, không phải tạo editional). Có 1 số limit sẽ lấy dư nợ theo Số ACF No, 1 số limit sẽ lấy dư nợ theo mã sản phẩm (như bảo lãnh, LC…).Hệ thống LOS phải quy đổi dư nợ theo tỷ giá update từ core tại mọi người điểm (thể hiện cả tỷ giá quy đổi cho người dùng biết).  26/2: ngân hàng quyết định bỏ yêu cầu này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT042 | Sau khi có Biên bản phê duyệt tín dụng, Hệ thống LOS thiết lập cơ chế kiểm soát hạn mức và các điều kiện tín dụng tại từng bước. Khi quá hạn các điều kiện tín dụng này thì hệ thống sẽ cảnh báo cho người dùng khi giải ngân/phát hành bảo lãnh/LC… cho khách hàng .Tại bước phê duyệt hệ thống LOS sẽ có sẵn cơ chế để kiểm soát khi đến hạn các Điều kiện tín dụng và kiểm soát hạn mức để người dùng sau có thể tiện theo dõi (điều kiện tín dụng theo Biên bản phê duyệt, nợ hồ sơ chứng từ mở hạn mức, giải ngân, tài sản, hết hạn bảo hiểm, định giá ...). Chặn người dùng không được phép tạo product/phát hành bảo lãnh/LC... khi quá hạn của các điều kiện tín dụng.  26/2: Ngân hàng muốn bỏ yêu cầu này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT043 | Hệ thống LOS cho phép nợ hồ sơ và quản lý hồ sơ nợ sau bước book hạn mức và product. Tại bước book limit và product vẫn cho phép nợ hồ sơ và hệ thống vẫn cho phép book và quản lý hồ sơ nợ này (theo dõi được danh sách hồ sơ nợ, ngày đến hạn của hồ sơ nợ và ra cảnh báo cho người dùng khi đến hạn/quá hạn chứng từ nợ, chuyển trạng thái của chứng từ nợ).Tại bước book limit và product vẫn cho phép nợ hồ sơ và hệ thống vẫn cho phép book và quản lý hồ sơ nợ này (theo dõi được danh sách hồ sơ nợ, ngày đến hạn của hồ sơ nợ và ra cảnh báo cho người dùng khi đến hạn/quá hạn chứng từ nợ, chuyển trạng thái của chứng từ nợ).  26/2: Ngân hàng muốn theo dõi NL item | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT044 | Hệ thống LOS: Ở màn hình Limit Hierarchy của cả 1 Khách hàng hay nhóm khách hàng/Chuỗi Khách hàng yêu cầu phải hiển thị thêm 3 trường thông tin: - Level - Parent Limit Reference Number - Product type (nếu có) dùng cho limit nào sẽ gán tài khoản vay dưới nó | Team CLOS | Đáp ứng |  |  |
| EXT045 | Ở màn hình limit booking phải sắp xếp theo thứ tự từ limit cha --> limit con và bổ sung các trường thông tin đã nêu trong MRD  26/2: Ngân hàng muốn hệ thống hiển thị hạn mức theo cấp vì hiện tại người dùng bị rối. Ngân hàng muốn thêm 2 trường hiển thị trong màn hình booking - sẽ xác nhận ngày 27/2 | Team CLOS | Đáp ứng |  | Dựa trên các cột cung cấp ở trên, ngân hàng sẽ dùng tính năng lọc để sắp xếp hạn mức theo thứ tự yêu cầu |
| EXT046 | Hệ thống LOS: Yêu cầu là tại giai đoạn post approval, t nếu trạng thái của limit không là R thì khi bấm booking hệ thống sẽ hiển thị luôn ra lỗi lý do vì sao mà limit này không có trạng thái là R để người dùng có hướng xử lý  26/2: Ngân hàng đã bỏ yêu cầu này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |
| EXT047 | hệ thống LOS cho phép tách các bước theo quy trình bao gồm người tạo, người duyệt tại bước book limit | Team CLOS | Đáp ứng |  | Chuyển sang sử dụng tính năng Needslist |
| EXT048 | Thêm trường "Payment amount" và "Final payment amount": 2 trường này tự động hiển thị theo loan tenor và repayment term; trường hợp cài đặt alternative repayment schedule thì các giá trị tương ứng sẽ được cập nhật trong các trường này |  | Đã bỏ | Đã bỏ | Xác nhận "Đã bỏ" trong MRD |

#### **Phụ lục 02: Những yêu cầu ngoài MRD nhà thầu đã hỗ trợ thực hiện**

| **STT** | **Tên yêu cầu** | **Trạng thái yêu cầu** | **Màn hình** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đối với những Collateral limit, khi người dùng đã thực hiện link TSBĐ và lại xóa limit thì hệ thống phải có cơ chế cảnh báo cho người dùng gỡ link trước khi xóa | Đã hoàn thành | Limit details |
| 2 | Tại màn hình limit, Limit Share và Revolving nên mặc định là Yes để người dùng đỡ phải chọn lại nhiều | Đã hoàn thành | Limit details |
| 3 | Ẩn nút chọn "Net Limit Applicable" và bỏ toàn bộ các rule liên quan đến tính năng này vì không phù hợp với core hiện tại của MSB | Đã hoàn thành | Limit details |
| 4 | Khi lấy linkage của TSBĐ từ core về LOS, nếu trên core người dùng điền cả 2 giá trị của trường Maximum coverage amount/percent thì LOS sẽ chỉ lấy giá trị amount. | Đã hoàn thành | Collateral details |
| 5 | Trường Limit modified trong solution hiển thị ở Limit summary và limit booking, bổ sung thêm ở trong usecase limit hierachy | Đã hoàn thành | Limit hierachy |
| 6 | Trường Amt. derived from Child Limit/Product luôn mặc định là No và ẩn người dùng không được phép chỉnh sửa | Đã hoàn thành | Limit details |
| 7 | Làm gọn màn hình Submit để người dùng có thể lựa chọn giữa submit và route | Đã hoàn thành | Access Application in Process |
| 8 | Applicant check trước chỉ hiển thị ở màn hình tạo CIF, yêu cầu nhà thầu hỗ trợ cho vào thẳng hồ sơ của KH để người dùng có thể cập nhật/chỉnh sửa thêm thông tin | Đã hoàn thành | Access Application in Process |
| 9 | Khi tạo hồ sơ của KH là TCIF, khi thực hiện booking TSBĐ thì thông tin SCIF sẽ được cập nhật lại từ core về LOS, ngoài việc update vào applicant check thì nhà thầu phải hỗ trợ thêm vào usecase collateral (collateral owner CIF ID) | Đã hoàn thành | Collateral details |
| 10 | Nhập được limit, điều chỉnh được limit, linkage của TSBĐ về giá trị = 0 | Đã hoàn thành | Limit, Collateral |
| 11 | Dữ liệu limit sẽ không được update từ core sau khi người dùng tạo xong hồ sơ | Đã hoàn thành | Limit, Collateral |
| Dữ liệu TSBĐ đã được phê duyệt sẽ lưu ở 1 màn hình khác để người dùng truy vấn |
| 12 | Ở màn hình Rollback, nhà thầu đã hỗ trợ ẩn nút submit phía dưới để tránh cho RM bị nhầm | Đã hoàn thành | Application |
| 13 | Trong usecase Credit decision, người dùng muốn bổ sung thêm 1 trường Approved Limit để ghi nhận số tiền phê duyệt | Đã hoàn thành | Credit decision |
| 14 | Khi phê duyệt KH group, Tại màn hình phê duyệt không có trường thông tin thể hiện HM là của KH nào | Đã hoàn thành | Credit decision |
| * Yêu cầu Bổ sung trường thông tin để xác định được hạn mức là của khách hàng |
| * Nhà thầu đã bổ sung thêm trường CIF tại Credit decision |
| 15 | Group: hiển thị tên Khách hàng thay vì chi có số CIF | Đã hoàn thành | Customer Details List |
| 16 | Bỏ button Deleted document + History | Đã hoàn thành | Attachment |
| 17 | Rollback: nhà thầu hỗ trợ có alert cho mục này | Đã hoàn thành | Rollback |
| 18 | Submit chuyển bước: nhà thầu hỗ trợ có alert cho mục này | Đã hoàn thành | Submit |
| 19 | Mặc định Associate to Application là số APPL hiện tại | Đã hoàn thành | Needslist |